

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2

Tháng 5 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	1.118	1.145	27	12.870	347.490	
102	8	647	655	8	12.870	102.960	
103	8	752	768	16	12.870	205.920	
104	8	601	628	27	12.870	347.490	
105	Phòng trực				12.870	0	
106	8	822	837	15	12.870	193.050	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	559	563	4	12.870	51.480	
110	8	596	599	3	12.870	38.610	
111	6	756	762	6	12.870	77.220	
112	8	553	556	3	12.870	38.610	
113	8	537	543	6	12.870	77.220	
114	8	445	451	6	12.870	77.220	
201	8	1.277	1.289	12	12.870	154.440	
202	8	1.067	1.079	12	12.870	154.440	
203	8	950	957	7	12.870	90.090	
204	8	968	973	5	12.870	64.350	
205	8	781	794	13	12.870	167.310	
206	8	810	818	8	12.870	102.960	
207	8	843	851	8	12.870	102.960	
208	8	808	815	7	12.870	90.090	
209	8	679	683	4	12.870	51.480	
210	8	586	593	7	12.870	90.090	
211	8	692			12.870	0	
212	7	606	611	5	12.870	64.350	
213	8	721	728	7	12.870	90.090	
214	8	767	773	6	12.870	77.220	
301	7	775	780	5	12.870	64.350	
302	7	639	647	8	12.870	102.960	
303	7	689	694	5	12.870	64.350	
304	8	661	669	8	12.870	102.960	
305	7	633	638	5	12.870	64.350	
306	8	708	714	6	12.870	77.220	
307	PSHC			0	12.870	0	
308				0	12.870	0	
309	8	585	587	2	12.870	25.740	
310	8	574	577	3	12.870	38.610	

311	8	657	663	6	12.870	77.220	
312	8	612			12.870	0	
313	8	713	719	6	12.870	77.220	
314	8	631	635	4	12.870	51.480	
401	8	625	631	6	12.870	77.220	
402	8	536	540	4	12.870	51.480	
403	7	556	564	8	12.870	102.960	
404	8	500	507	7	12.870	90.090	
405	8	475	479	4	12.870	51.480	
406	8	525	542	17	12.870	218.790	
407	8	570			12.870	0	
408	8	803	812	9	12.870	115.830	
409	8	478	482	4	12.870	51.480	
410	8	654	658	4	12.870	51.480	
411	8	467	472	5	12.870	64.350	
412	7	485	488	3	12.870	38.610	
413	8	620	628	8	12.870	102.960	
414	8	534	539	5	12.870	64.350	
501	8	371	379	8	12.870	102.960	
502	8	519	536	17	12.870	218.790	
503	7	756	759	3	12.870	38.610	
504	8	565	572	7	12.870	90.090	
505	8	555	559	4	12.870	51.480	
506	7	398	403	5	12.870	64.350	
507	7	563	569	6	12.870	77.220	
508	8	480	482	2	12.870	25.740	
509	8	503	507	4	12.870	51.480	
510	8	455	461	6	12.870	77.220	
511	7	369	376	7	12.870	90.090	
512	8	415	421	6	12.870	77.220	
513	8	357	361	4	12.870	51.480	
514	0	284	287	3	12.870	38.610	
Cộng	499			446		5.740.020	

(Bảng chữ: Năm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà